

Bản án số: 228/2020/HSST
Ngày 11 – 8 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Mạnh Chiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Tuấn

Bà Vũ Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 224/2020/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị T

Sinh ngày 27 tháng 7 năm 1996; tại huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A 2, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Tổ 4 khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Trần Xuân H và bà: Nguyễn Thị

N; Chồng con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giam ngày 16/4/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hoàng Hải N

Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1994; tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 3 khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Hoàng Đức T và bà: Phạm Thị

M; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 29/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản; Ngày 31/8/2015 được đặc xá tha tù trước thời hạn.

Bị bắt, tạm giam ngày 16/4/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng Đức T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 3 khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 16/4/2020 tại khu vực tổ 5 khu 2, phường T, thành phố H, Cơ quan Công an kiểm tra xe ô tô Kia Cerato biển số 14A – 391.67 phát hiện Trần Thị T và Hoàng Hải N có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: Dưới sàn xe gầm ghế lái 01 túi nilon kích thước (3 x 3)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1), 01 túi nilon kích thước (4 x 7)cm bên trong có 04 viên nén màu xanh, trên mặt mỗi viên có ký hiệu chữ S (ký hiệu M2); 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng có số thuê bao 0866.892.197, 01 điện thoại Iphone màu đỏ có số thuê bao 0888.808.269 và xe ô tô Kia Cerato biển số 14A – 391.67.

Bản kết luận giám định số 364/GĐMT ngày 21/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Mẫu vật ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng: 0,445 gam. Mẫu vật ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 1,541 gam.

Trần Thị T và Hoàng Hải N khai nhận: Do quen biết nhau nên trước đó, vào khoảng 19 giờ ngày 16/4/2020 T đã gọi điện thoại cho N là lái xe taxi, đến phòng trọ đón T để đưa đến chung cư Lideco thuộc tổ 5 khu 2, phường Trần Hưng Đạo, thành phố H. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày N lái xe ô tô Kia Cerato biển số 14A – 391.67 chở T đến chung cư Lideco như đã hẹn và đồng thời được T hẹn đợi đưa về. T đi lên phòng B2928 tòa nhà B chung cư Lideco chơi, đến khoảng 22 giờ do phát sinh nhu cầu muốn sử dụng ma túy T ra ngoài hành lang khu nhà gọi điện thoại, nhờ N mua hộ ma túy (trong đó 2.000.000đ loại Ketamin và 2.000.000đ loại thuốc lắc), N đồng ý và gọi điện thoại cho Trường là quen biết xã hội hỏi mua ma túy và hẹn mang ma túy đến chung cư Lideco. Sau đó T gọi điện cho N đã hỏi ma túy được chưa, thì được N cho biết đã gọi được và hẹn T xuống lấy. Sau khi hẹn bán ma túy Trường đi xe máy đến gặp N và vào trong xe ô tô ngồi, T đến mở cửa bên ghế phụ của xe vào ngồi đưa cho N 4.000.000đ, N đưa tiền cho Trường ngồi ghế phía sau, Trường đưa lại 02 túi nilon chứa ma túy rồi xuống xe bỏ đi, N đang

cầm số ma túy trên tay thì T lấy và chuyển ra sau ghế lái ngồi. Đến 23 giờ cùng ngày khi cơ quan Công an kiểm tra do sợ T đã vứt toàn bộ số ma túy xuống sàn xe và mở cửa xe bỏ chạy.

Bản cáo trạng số 194/CT-VKSHL ngày 02/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, đã truy tố bị cáo Trần Thị T và Hoàng Hải N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng tên Trường đã bán ma túy cho N và T, cơ quan Công an đã xác minh nhân thân lai lịch là Chu Thanh Trường, hiện tại vắng mặt tại địa phương, nên đã tách hành vi có dấu hiệu mua bán trái phép chất ma túy để tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 18 đến 24 tháng tù; Hoàng Hải N từ 15 đến 18 tháng tù; Vật chứng lượng ma túy còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy, tịch thu điện thoại phát mại sung công, sim điện thoại tịch thu tiêu hủy.

Quá trình khai báo bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, việc bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, việc khai báo tự nguyện không bị ép buộc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức Thắng có lời khai thể hiện gia đình có mua xe ô tô Kia Cerato biển số 14A – 391.67 giao cho N nhận chở khách dịch vụ thuê, gia đình không biết xe liên quan đến hành vi của N; đã nhận lại xe không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị T và Hoàng Hải N thể hiện bản thân có nghiện chất ma túy, do có nhu cầu sử dụng chất ma túy T đã nhờ N hỏi mua để mục đích sử dụng, N đã hỏi mua ma túy của Trường. Khi giao nhận ma

túy có Trường ngồi trong xe ô tô, do không biết Trường T đưa tiền cho N để đưa cho Trường và được Trường đưa lại ma túy, T cầm lấy số ma túy trên tay N và đi ra phía ghế sau ngồi. Các bị cáo cũng thừa nhận số ma túy là của T mua của Trường, N đồng ý giúp T, N không thỏa thuận giá cũng như lợi ích nào khác. Khi bị Cơ quan Công an kiểm tra T sợ đã vớt lại toàn bộ số ma túy bỏ chạy, còn N gồi trong xe phía ghế lái.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh và phù hợp với lời khai của người chứng kiến Dương Thanh T, Nguyễn Thanh T về việc các anh tham gia tổ tuần tra phòng dịch Covid 19 của UBND phường T, đã chứng kiến cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, bắt, thu giữ vật chứng của bị cáo; Phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 15 phút ngày 16/4/2020, bản kết luận giám định chất ma túy số 364/GĐMT ngày 21/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Như vậy có căn cứ kết luận vào khoảng 23 giờ ngày 16/4/2020 tại khu vực tổ 5 khu 2, phường T, thành phố H, Trần Thị T và Hoàng Hải N có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ; khối lượng chất ma túy bị thu giữ là 0,445 gam, loại Ketamine và 1,541 gam, loại MDMA. Hành vi của bị cáo Trần Thị T và Hoàng Hải N đã phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

i) Có 2 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này;

[3] Tính chất mức độ, hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ma túy là hiểm họa và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với xã hội cũng như đối với sức khỏe, nhưng đã bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật, cất giữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích thỏa mãn việc sử dụng ma túy của bản thân. Bản thân bị cáo Hoàng Hải N đã một lần vi phạm pháp luật và bị xử phạt

nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tính chất vai trò đồng phạm trong vụ án, vai trò chính là bị cáo Trần Thị T là người chủ động khởi sự, gọi điện cho N để nhờ tìm hỏi mua ma túy với mục đích sử dụng và bị cáo là người bỏ tiền ra mua ma túy, do đó bị cáo cần có mức hình phạt cao hơn. Tiếp đến là bị cáo Hoàng Hải N tiếp nhận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị T biết được ma túy là chất cấm, khi bị cáo T nhờ hỏi mua đã đồng ý thực hiện hành vi giúp T tìm mua ma túy, nên có mức hình phạt thấp hơn.

Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của bản thân là nguy hiểm cho xã hội, đây là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa đề nghị áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng là có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án.

[5] Về vật chứng: Lượng ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong đây là vật cấm lưu hành mà bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với xe ô tô Kia Cerato biển số 14A – 391.67 là của gia đình bị cáo thế chấp vay ngân hàng để mua xe, không biết xe sử dụng vào việc tàng trữ trái phép chất ma túy, nên Cơ quan Công an đã trả lại cho gia đình bị cáo, hội đồng xét xử không xem xét. 02 điện thoại của các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội nên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước, còn 02 sim điện thoại kèm theo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hình phạt bổ sung không phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Trần Thị T và Hoàng Hải N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Trần Thị T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/4/2020.

Xử phạt: Hoàng Hải N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/4/2020.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 364/GĐMT ngày 21/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động Iphone.

Tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại kèm theo máy điện thoại trên, số 0866.892.197 và 0888.808.269

(Tình trạng các vật chứng trên như biên bản giao nhận vật chứng số 229/BB-THA ngày 15/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị T và Hoàng Hải N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKS, CA, THADS Tp H;
- TAND, VKSND tỉnh QN;
- Bị cáo;
- Người có qlnvlg;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Dương Mạnh Chiến
(đã ký)**

